

Bản án số: 28/2020/DSST

Ngày 18/9/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức P; bà Cao Thị C.

Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu T - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thùy D-Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2020/TLST- DS, ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Đình H, sinh năm 1985, có mặt.

Địa chỉ: Khu L, phường V, thành phố B, tỉnh B

Bị đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1983, vắng mặt.

Địa chỉ: Khu L, phường V, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Đình H trình bày: Do có quan hệ quen biết chị Trần Thị Q, sinh năm 1983 ở khu L, phường V, thành phố B. Chị Q có nhu cầu cần tiền để lấy vốn làm ăn buôn bán cá nhân nên có đặt vấn đề vay tiền anh, vì là chỗ chị em biết nhau nên anh đồng ý cho chị Q vay số tiền 300.000.000đ. Khi vay chị Q và anh có lập “giấy vay tiền” đề ngày 04/12/2017, có chữ ký của cả hai bên. Theo nội dung “giấy vay tiền” chị Q vay anh 300.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng, thời hạn vay từ ngày 04/12/2017 thời gian thanh toán chậm nhất là ngày 04/12/2019. Anh giao tiền và chị Q nhận đủ số tiền 300.000.000đ. Quá trình vay chị Q có trả lãi được vài tháng, do lâu ngày nên anh không nhớ cụ thể. Đến hạn thanh toán, nhiều lần anh đến gặp chị Q yêu cầu thanh toán nợ nhưng chị Quỳnh chỉ khát lần, không trả và chị Q hẹn đến ngày 04/3/2020 trả. Quá ngày 04/3/2020, anh gọi điện hẹn gặp chị Q nhưng không được. Vì vậy anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Q phải thanh toán cho anh số tiền 300.000.000 gốc và không yêu cầu trả tiền lãi. Căn cứ khởi kiện là “giấy vay tiền” đề ngày 04/12/2017 chị Q đã ký nhận.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lần làm việc tại Tòa án chi Trần Thị Q trình bày: Chị và anh Hoàng Đình H có quen biết, chị có nhu cầu cần tiền để lấy vốn làm ăn nên nhiều năm nay chị đã vay tiền của anh Hưởng nhiều lần, những lần vay trước chị đều trả đầy đủ, sau lại vay. Ngày 04/12/2017 chị có vay anh H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng, mục đích vay sử dụng cá nhân, không liên quan gì đến chồng chị; thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 04/12/2019. Anh H đã giao tiền 300.000.000 đồng, chị nhận đủ. Chị thừa nhận chữ ký trong “giấy vay tiền” đề ngày 04/12/2017 là đúng chữ chị. Chị cho rằng quá trình vay đến tháng 10/2019 chị đã trả tiền gốc, lãi được 190.000.000đ cho anh H, số tiền hiện còn nợ anh Hưởng là 110.000.000đ. Tuy nhiên các lần trả tiền chị không viết giấy tờ gì nên không có chứng cứ tài liệu chứng minh chị đã trả anh H được 190.000.000đ trong tổng số nợ 300.000.000đ. Tòa án yêu cầu chị cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc chị đã trả tiền cho anh H 190.000.000đ trong tổng số tiền vay 300.000.000đ, chị không giao nộp cho Tòa án được bất cứ tài liệu chứng cứ gì. Nay anh H khởi kiện yêu cầu chị trả số nợ gốc 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, căn cứ khởi kiện là “giấy vay tiền” đề ngày 04/12/2017 chị chỉ đồng ý trả 110.000.000đ và xin được trả dần cho anh H.

Tại phiên tòa: Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh H yêu cầu chị Q thanh toán số tiền gốc 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Quá trình vay chị Q có trả lãi được vài tháng, vì lâu ngày nên anh không nhớ được chính xác bao tháng, bao nhiêu tiền. Việc chị Q cho rằng trong số tiền 300.000.000đ vay anh, chị Q đã trả được 190.000.000đ không có giấy tờ chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Anh khẳng định đó là số tiền trong khoản vay khác giữa anh và chị Q không viết giấy vay tiền và chị Q đã thanh toán xong cho anh, không liên quan đến số nợ 300.000.000đ chị Q vay anh ngày 04/12/2017.

Chị Trần Thị Q vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Cả thẩm phán, HĐXX và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Q không chấp hành đầy đủ, vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đình H buộc chị Trần Thị Q phải có nghĩa vụ trả cho anh Hoàng Đình H số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, anh H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết. Đối với số tiền 190.000.000đ chị Q cho rằng đã trả cho anh H, khi nào chị Q xuất trình đủ chứng cứ, có quyền khởi kiện và giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của bị đơn đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn xuất trình, lời khai của các đương sự, xác định thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn là chị Trần Thị Q có đăng ký HKTT và hiện tại đang cư trú tại khu L, phường V, thành phố B. Do vậy Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về tư cách tham gia tố tụng: Anh Hoàng Đình H cho rằng chị Trần Thị Q xâm phạm đến quyền lợi của anh nên anh làm đơn khởi kiện đối với chị Q. Như vậy anh H tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là nguyên đơn. Chị Q tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự có cơ hội thỏa thuận giải quyết vụ án, đôi chất nhưng bị đơn là chị Trần Thị Q đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án phải tiến hành theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã triệu tập họp lệ hai lần đối với bị đơn, tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Nội dung “giấy vay tiền” ngày 04/12/2017 xác định giữa anh Hoàng Đình Hưởng và chị Trần Thị Q phát sinh hợp đồng vay tài sản với số tiền 300.000.000đ; trong đó người giao tiền là anh Hưởng, người nhận tiền là chị Q; Thời hạn vay từ ngày 04/12/2017 đến ngày 04/12/2019.

Xét quan hệ vay nợ giữa anh Hoàng Đình H và chị Trần Thị Q là giao dịch dân sự tự nguyện, các đương sự tham gia giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, không trái với qui định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự thì hợp đồng vay tài sản giữa anh H và chị Q được thể hiện dưới hình thức hợp đồng vay tiền có kỳ hạn, có lãi. Khi thực hiện hợp đồng anh H đã thực hiện nghĩa vụ của mình là giao đủ số tiền 300.000.000đ cho chị Quỳnh. Đến thời hạn trả nợ, chị Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình đối với khoản nợ trên. Mặc dù trong hợp đồng các bên không ghi rõ lãi suất thỏa thuận nhưng đôi bên đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận.

Phía bị đơn chị Q thừa nhận có nợ tiền anh H, chấp nhận thanh toán nhưng do tình hình kinh tế buôn bán chị gặp khó khăn nên xin được trả dần. Chị thừa nhận chữ ký trong “giấy vay tiền” đề ngày 04/12/2017 là đúng chữ chị. Quá trình vay đến tháng 10/2019 chị đã trả cho anh H được 190.000.000đ, nay còn nợ 110.000.000đ. Chứng cứ cho việc chị trả số tiền 190.000.000đ chị không xuất trình được vì chị không viết giấy tờ gì nên không có chứng cứ tài liệu để giao nộp cho Tòa án được. Chị Q không chấp nhận thanh toán số tiền 300.000.000đ theo yêu cầu của anh Hưởng, chỉ chấp

nhận trả anh H 110.000.000đ nhưng chị không đưa ra chứng cứ về việc chị đã trả được cho anh H 190.000.000đ trong tổng số tiền chị vay anh H 300.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh H cho chị Q vay tiền, chị Q đã nhận số tiền vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay, lãi suất theo thỏa thuận. Đến hạn, chị Quỳnh không thanh toán được cho anh H. Như vậy chị Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Anh H yêu cầu Tòa án buộc chị Q phải thanh toán là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Chị Q chỉ đồng ý trả anh H 110.000.000đ vì chị cho rằng quá trình vay đã trả đến tháng 10/2019 được 190.000.000đ, số còn nợ là 110.000.000đ. Các lần trả tiền chị Q không viết giấy tờ gì nên không có chứng cứ tài liệu chứng minh việc chị đã trả anh H được 190.000.000đ nên chị không có chứng cứ để giao nộp cho Tòa án được, do vậy không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy cần buộc chị Q phải thanh toán cho anh H số tiền 300.000.000 đồng gốc. Anh H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết. Đối với số tiền 190.000.000đ chị Q cho rằng đã trả cho anh H, khi nào chị Q xuất trình đủ chứng cứ, có quyền khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26; 35, 39; 147, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đình H.

Buộc chị Trần Thị Q phải có nghĩa vụ trả cho anh Hoàng Đình H số tiền gốc là 300.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự: Chị Trần Thị Q phải chịu 15.0000.000đ (Mười lăm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Đình H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0000292, ngày 19/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án xử vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thành phố Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hồng